

Bản án số: 04/2025/DS-ST.

Ngày: 11 – 07 – 2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2. Ông Y Ník Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2025/TLST-DS, ngày 12 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐST – DS, ngày 29 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST – DS, ngày 13/06/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T1. Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E (nay là thôn F, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Long N. Địa chỉ: A N, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E (nay là thôn A, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/01/2023, vợ chồng bà T1 và ông T có cho ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Hẹn đến ngày 15/04/2023 trả. Hai bên có lập giấy vay tiền viết tay với nhau. Quá trình vay ông K và bà S đã trả được 10 tháng tiền lãi là 15.000.000 đồng, đến hạn vay không trả nên bà T1 và ông T đã khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án các bên đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên vào ngày 19/03/2024 hai bên thỏa thuận viết lại giấy nhận nợ với nội dung, ông K và bà S còn nợ vợ chồng ông T và bà T1 số tiền 106.000.000 đồng (trong đó có 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 6.000.000 đồng

tiền nợ lãi các bên thống nhất thỏa thuận nhập gốc và lãi và ghi lại giấy nhận nợ mới), lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng và thời hạn trả nợ là 19/12/2024. Sau đó bà T1 đã làm đơn rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, đến hạn trả như nội dung đơn các bên thỏa thuận nhưng ông K và bà S không trả nợ theo đúng như nội dung các bên đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Nên bà T1 và ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết buộc ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 106.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu thay đổi yêu cầu chỉ tính lãi suất của số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 19/03/2024 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Do bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, Kết luận giám định chữ ký chữ viết, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Vũ Thị S1 đến Tòa án làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án tổ chức mà không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, **Tòa án nhân** đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn; các tài liệu chứng cứ thu thập có trong vụ án thụ lý số 49/2024/TLST – DS xác định được bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền sau khi chốt lại nợ và viết giấy vay ngày 19/03/2024 là 106.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về lãi suất: Trong giấy vay tiền các bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi suất của

số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp. Như vậy, lãi suất được tính kể từ ngày 19/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Căn cứ vào các Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T1. Buộc ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T1 số tiền là 129.523.287 đồng (trong đó tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng + 23.523.287 đồng).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T1, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn A, xã E, huyện E (nay là thôn A, xã E), tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, Do đó thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Như vậy, ông K và bà S đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 106.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,5%/tháng được tính từ ngày 19/3/2024 đến ngày 11/7/2025; Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 19/3/2024 do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ khác đã do Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST – DS, giữa nguyên đơn bà Vương Thị T1 và bị đơn ông Hoàng Văn K bà bà Nguyễn Thị S, tại biên bản hòa giải ngày 19/03/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar các đương sự xác định được vào ngày 13/01/2023 vợ chồng ông K và bà S có vay của vợ chồng ông T và bà T1 số tiền 100.000.000 đồng. đã trả được 10 tháng tiền lãi và chưa trả được khoản tiền gốc nào. Bị đơn xác định còn nợ lại 100.000.000 đồng và 04 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng. Do các bên muốn tự thỏa thuận với nhau về việc trả số tiền này và nguyên đơn bà T1 đã rút đơn khởi kiện. Từ tài liệu chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ để xác định vào ngày 19/03/2024 ông Hoàng Văn K bà bà Nguyễn Thị S có lập biên bản xác nhận nợ ông T và

bà T1 số tiền 106.000.000 đồng (trong đó 100 triệu gốc và 6 triệu đồng lãi) là phù hợp với tài liệu chứng cứ do Tòa án đã thu thập. Do đó có đủ căn cứ để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 106.000.000 đồng thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 19/12/2024. Đến hạn trả nợ bị đơn không trả. Vì vậy, bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ 100.000.000 đồng là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận. Như vậy lãi suất sẽ được tính kể từ ngày 19/03/2024 đến ngày 11/07/2025 là 477 ngày sẽ được tính như sau:

$(100.000.000 \text{ đồng} * (1,5\% * 12 \text{ tháng}) * 477 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 23.523.287 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX cần buộc bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T2 số tiền vay là 100.000.000 đồng và 6.000.000 + 23.523.287 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 129.523.287 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 468; Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T1.

Buộc ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T1 số tiền là 129.523.287 đồng (trong đó tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng + 23.523.287 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị S phải chịu 6.476.164 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức 129.523.287 đồng x 5%).

Hoàn trả cho ông Phạm Văn T và bà Vương Thị T1 số tiền tạm ứng án phí 3.047.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000949, ngày

11/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng THADS khu vực 7).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc

